TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **69/**2023/HNGĐ-ST
Ngày 04/8/2023
"V/v: Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sơn Hải và ông Ngô Cao Lâm.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*:** Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 173/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc "*Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Lê Thu T.**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn C, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang *(vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)*.

- *Bị đơn:* Anh **Hà Đăng H.**, sinh năm 1990

Nơi đăng ký HKTT: Thôn X, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình. Nơi ở hiện tại: Thôn C, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang *(vắng mặt không có lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thu T. và anh Hà Đăng H. kết hôn với nhau vào năm 2016, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân ã Tân Lễ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 16/6/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống và làm việc tại xã S, huyện S. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tháng 3/2023 chị Lê Thu

T. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Đăng H..

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thu T. trình bày: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng có sự khác nhau về quan điểm sống, phong cách sinh hoạt, thường xuyên to tiếng cãi nhau, tuy sống chung nhà nhưng cuộc sống không hạnh phúc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Đăng H.. Về con chung: Có 02 con chung là Hà Đăng K., sinh ngày 04/11/2016 và Hà Đăng Kh., sinh ngày 17/8/2018. Nếu ly hôn chị đề nghị giao các con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh H. cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: không đề nghị giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hà Đăng H. trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, nay chị T. có đơn ly hôn anh nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hà Đăng K., sinh ngày 04/11/2016 và Hà Đăng Kh., sinh ngày 17/8/2018, nếu ly hôn anh nhất trí giao 02 con cho chị T. nuôi dưỡng, giáo dục, không đề nghị giải quyết về cấp dưỡng. Về tài sản, đất đai chung, công nợ chung không đề nghị giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các đương sự có mặt và đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, Thẩm phán đã tiến hành lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành. Sau đó, bị đơn anh Hà Đăng H. có đơn đề nghị thay đổi quan điểm với nội dung không nhất trí thỏa thuận về việc giao nuôi con chung là giao cháu Hà Đăng K., sinh ngày 04/11/2016 và Hà Đăng Kh., sinh ngày 17/8/2018 cho chị Lê Thu T. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục mà đề nghị Tòa án xem xét giao cả hai con chung cho anh Hà Đăng H. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu chị Lê Thu T. cấp dưỡng nuôi con chung. Đơn của anh H. ở trong thời hạn 07 (bảy) ngày các đương sự có quyền thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận giải quyết vụ án được Tòa án chấp nhận và báo gọi các đương sự đến làm việc. Tuy nhiên, tại các buổi làm việc chỉ có mặt chị Lê Thu T., vắng mặt người thay đổi quan điểm anh Hà Đăng H. không có lý do.

Kết quả xác minh thể hiện: Anh Hà Đăng H. có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình, hiện có đăng ký tạm trú tại thôn C, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Anh Hà Đăng H. và chị Lê Thu T. kết hôn với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống, làm việc tại thôn C, xã S, huyện S. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, có to tiêng cãi chửi nhau, thôn xã chưa được hòa giải. Hiện tại anh H. đi làm ăn xa, thi thoảng mới về nhà, anh H. làm nghề lái xe taxi, còn làm gì, ở đâu địa phương không biết, không xác định được địa chỉ cụ thể.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn

khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn chưa chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Chị Lê Thu T. và anh Hà Đăng H. kết hôn vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, có phát sinh mâu thuẫn, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên quá trình giải quyết anh H. có quan điểm nhất trí thuận tình ly hôn với chị T.. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX xử cho chị Lê Thu T. được ly hôn với anh Hà Đăng H.; Về con chung: Giao hai con chung là Hà Đăng K., sinh ngày 04/11/2016 và Hà Đăng Kh., sinh ngày 17/8/2018 cho chị Lê Thu T. trực tiếp chăm sóc, giáo dục theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện chị Lê Thu T. đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Đăng H. và giao nuôi con chung theo quy định; không đề nghị giải quyết về tài sản, công nợ chung. Do vậy quan hệ pháp luật ở đây được xác định là "Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo các đương sự đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các đương sự có mặt và đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Sau đó anh H. có đơn đề nghị thay đổi quan điểm. Sau khi anh H. gửi đơn thay đổi quan điểm Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh H. vẫn không đến Tòa án làm việc, đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thu T. vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Hà Đăng H. vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 28, 35, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thu T. và anh Hà Đăng H. kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình ngày 16/6/2016 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bình thường, sau phát sinh mâu thuẫn, tháng 3/2023 chị T. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Đăng H.. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã nhất trí thuận tình ly hôn. Sau khi Thẩm phán lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành thì anh H. có đơn đề nghị thay đổi quan điểm về việc giao nuôi con, giữ nguyên quan điểm nhất trí thuận tình ly hôn.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của chị Lê Thu T. và anh Hà Đăng H. bình thường, có mâu thuẫn, quá trình giải quyết anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí thuận tình ly hôn. Hôn nhân của anh chị được xác định đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị Lê Thu T. được ly hôn với anh Hà Đăng H..

2.2. Về con chung: Chị Lê Thu T. và anh Hà Đăng H. có 02 con chung là Hà Đăng K., sinh ngày 04/11/2016 và Hà Đăng Kh., sinh ngày 17/8/2018.

Xét thấy, cháu Hà Đăng K. và Hà Đăng Kh. là con chung của chị Lê Thu T. và anh Hà Đăng H. nên anh chị đều cùng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với các cháu. Quá trình giải quyết chị T. và anh H. có quan điểm nhất trí giao cả 02 con chung cho chị T. được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Sau đó anh H. có đơn thay đổi quan điểm không đồng ý giao con cho chị T. nuôi dưỡng, Tòa án đã báo gọi nhiều lần nhưng anh H. không đến Tòa án làm việc, hiện tại anh H. không có mặt ở địa phương. Chị T. vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết giao cả hai con chung cho chị nuôi dưỡng, giáo dục. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và đảm bảo quyền lợi của các đương sự sau khi ly hôn, xét nguyện vọng của chị T. là chính đáng nên cần giao các cháu Hà Đăng K., sinh ngày 04/11/2016 và Hà Đăng Kh., sinh ngày 17/8/2018 cho chị Lê Thu T. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Hà Đăng H. không phải cấp dưỡng nuôi con (do chị T. không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Lê Thu T. và anh Hà Đăng H. không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Lê Thu T. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thu T. được ly hôn với anh Hà Đăng H..

2. Về con chung: Giao các cháu Hà Đăng K., sinh ngày 04/11/2016 và Hà Đăng Kh., sinh ngày 17/8/2018 cho chị Lê Thu T. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Hà Đăng H. không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thu T. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002737 ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Chị Lê Thu T. đã nộp đủ án phí của vụ án.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND xã S.;
- UBND xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Hồng Chiến